**Mẫu số 05.ĐKCN**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN CẤP-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|   |  |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI**

Số\*: A/B/C/ĐKCN

Tên cơ sở chăn nuôi……………………………. Địa chỉ trụ sở: …………………………………...

Số điện thoại: ……………………………………….. Số Fax: ……………………………………….

Địa chỉ trang trại: ……………………………………………………………………………………….

Số điện thoại: ………………………………………. Số Fax: ………………………………………..

Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: ………………………….....

**Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi.**

Gia súc: …………………………… Số lượng: …………………………………………………………;

Gia cầm: …………………………….. Số lượng: ……………………………………………………….;

Vật nuôi khác:…………………………. Số lượng: ……………………………………………………..;

|  |  |
| --- | --- |
|   | *….., ngày … tháng … năm …***THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***\*Ghi chú:***

Quy định cấp số Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi như sau:

- A: là mã số đơn vị hành chính của địa phương (nơi cấp Giấy chứng nhận) theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

- B: là số thứ tự cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi, bắt đầu từ số 001.

- C: là năm cấp Giấy chứng nhận.

- ĐKCN: viết tắt của “điều kiện chăn nuôi”.